
CÔNG TY CỔ PHẦN 482

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

LƯU NVT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	6 - 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	11 - 12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	13 - 35
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	36



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 482 là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây dựng Công trình 482 sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1226/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 29 tháng 4 năm 2004. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 ngày 16 tháng 12 năm 2004 và Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 2900324346 ngày 16 tháng 12 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp bổ sung thay đổi 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 09 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 30 tháng 5 năm 2016.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 9: 50.000.000.000 VND

Chi tiết góp vốn điều lệ

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Hòa Nguyễn	3.441.250.000	6,88%
Ông Hoàng Quyết Chiến	6.681.620.000	13,36%
Bà Phan Thị Huệ	6.010.000.000	12,02%
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	2.848.500.000	5,70%
Các cổ đông khác	31.018.630.000	62,04%
Cộng	50.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Điện thoại : 038 3853200
 Email : Congty482@congy482.com.vn
 Mã số thuế : 2 9 0 0 3 2 4 3 4 6

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu thương mại, giao thông, vận tải, thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, khu du lịch;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh du lịch lữ hành;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển hành khách đường bộ (theo hợp đồng, khách du lịch...);
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, thủy điện, sân bay, bến cảng, công trình ngầm, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp thoát nước, đường điện, trạm biến áp, xây dựng kết cấu công trình. Nạo vét, đào đắp và san lấp mặt bằng ; trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Gia công kết cấu bê tông đúc sẵn; gia công sửa chữa cơ khí;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị ngành xây dựng, cho thuê thiết bị kho bãi;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị, cấu kiện bê tông, cấu kiện bằng kim loại;
- Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành công nghiệp;
- Thí nghiệm vật liệu thi công công trình, dịch vụ kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình;
- Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình cầu, đường bộ;
- Tư vấn sử dụng vật liệu xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 TRÁCH MIỆNG
 NH
 CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Long	Chủ tịch	
Ông Hoàng Quyết Chiến	Thành viên	
Ông Lại Văn Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	Thành viên	
Bà Phan Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Khắc Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Dương Lê Tĩnh	Trưởng ban	
Ông Phạm Thế Anh	Ủy viên	
Bà Phan Thị Huệ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017
Ông Phan Xuân Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Long	Giám đốc	
Ông Trần Quốc Bình	Phó Giám đốc	
Ông Phan Xuân Bảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Quốc Chiến	Phó Giám đốc	
Ông Cao Hòa Thanh	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Văn Long

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

84
IG
EM
1 T
TÀI
A.



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2407.01.01/2017/BCTC- NVT2
Ngày : 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần 482

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần 482, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNTK số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

82-
TY
HỮU
DÃI
1.VI
T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		459.252.087.932	435.182.062.262
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.540.056.859	5.108.624.995
1. Tiền	111		2.540.056.859	2.908.624.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.206.259.317	175.056.284.105
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	118.842.315.132	119.883.340.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.513.837.450	14.273.359.114
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	7.008.000.000	7.008.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	40.547.491.989	37.069.206.058
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.705.385.254)	(3.177.621.235)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		278.848.217.036	255.002.362.279
1. Hàng tồn kho	141	V.7	278.848.217.036	255.002.362.279
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		657.554.720	14.790.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		642.763.837	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		14.790.883	14.790.883
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.449.096.193	61.270.328.781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.735.898.000	13.735.898.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	13.735.898.000	13.735.898.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.556.645.847	47.275.933.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41.552.513.903	47.261.176.326
<i>Nguyên giá</i>	222		144.092.305.320	147.707.479.510
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(102.539.791.417)	(100.446.303.184)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.131.944	14.756.944
<i>Nguyên giá</i>	228		85.000.000	85.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(80.868.056)	(70.243.056)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		156.552.346	258.497.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	156.552.346	258.497.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		514.701.184.125	496.452.391.043



CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		464.741.366.807	446.547.334.039
I. Nợ ngắn hạn	310		461.676.453.204	443.508.916.728
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	127.085.624.336	141.758.107.035
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	92.010.115.299	71.802.998.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14.640.995.165	14.576.722.067
4. Phải trả người lao động	314		9.026.111.517	8.499.287.977
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	6.740.974.194
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	126.492.807.664	92.639.294.553
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	92.420.799.223	107.491.532.631
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.064.913.603	3.038.417.311
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	714.341.058	750.844.766
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	2.350.572.545	2.287.572.545
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.959.817.318	49.905.057.004
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	49.959.817.318	49.905.057.004
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(141.990.000)	(141.990.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		101.807.318	47.047.004
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.047.004	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.760.314	47.047.004
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		514.701.184.125	496.452.391.043

Người lập biểu



Nguyễn Văn Phú

Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2017

Giám đốc



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.391.446.927	149.023.965.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.391.446.927	149.023.965.211
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.391.691.409	135.266.396.743
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.999.755.518	13.757.568.468
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.760.655	243.401.222
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.392.545.703	9.140.571.322
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.392.545.703	9.140.571.322
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.531.618.224	4.524.604.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.080.352.246	335.793.637
11. Thu nhập khác	31	VI.6	150.035.455	142.496.038
12. Chi phí khác	32	VI.7	857.211.686	19.054.725
13. Lợi nhuận khác	40		(707.176.231)	123.441.313
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		373.176.015	459.234.950
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	318.415.701	91.846.991
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>54.760.314</u>	<u>367.387.959</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>11</u>	<u>78</u>

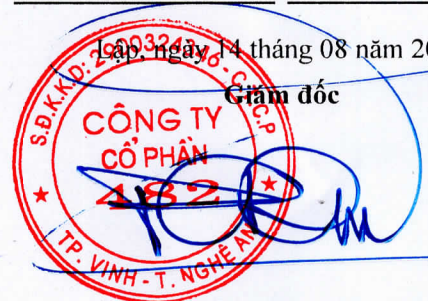
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2017

Giám đốc





Nguyễn Văn Phú

Nguyễn Khắc Thiện

Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		64.753.878.121	181.883.935.609
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.089.052.349)	(114.016.396.630)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.240.032.513)	(20.712.482.345)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.317.949.189)	(11.942.658.045)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		78.537.107.346	19.435.045.341
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.256.684.299)	(36.544.954.745)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.387.267.117	18.102.489.185
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		79.200.000	290.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.760.655	243.401.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		83.960.655	2.533.401.222

948
G T
MH
TO
ÂM
-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	9.500.540.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		75.929.692.622	82.045.113.134
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(90.969.488.530)	(108.354.070.603)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.039.795.908)	(16.808.417.469)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.568.568.136)	3.827.472.938
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.108.624.995	15.390.378.662
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.540.056.859	19.217.851.600

Người lập biểu



Nguyễn Văn Phú

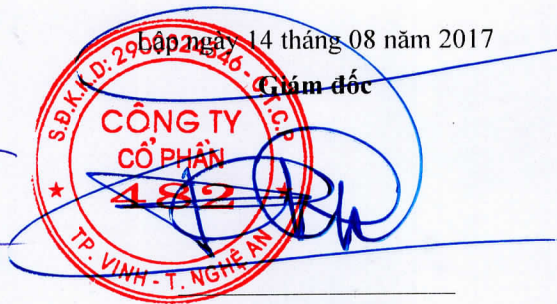
Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Chức vụ Giám đốc



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 135 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thi công công trình giao thông
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Thi công công trình giao thông
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 07
Phần mềm quản lý	04

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

1102
C
ÁCH
KII
NHÀ
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

031

ÔN
NH
ỀM
NT

ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

482
G T
M H
T O
A M
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	638.371.973	8.002.112
Tiền gửi ngân hàng	1.901.684.886	2.900.622.883
Các khoản tương đương tiền	-	2.200.000.000
Cộng	<u>2.540.056.859</u>	<u>5.108.624.995</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 4 - CTCP	72.061.774.238	60.807.392.588
Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh	2.606.983.673	3.851.075.673
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30	5.551.671.000	4.751.671.000
Các khách hàng khác	38.621.886.221	50.473.200.907
Cộng	<u>118.842.315.132</u>	<u>119.883.340.168</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và Đầu tư 120	8.655.317.782	8.655.317.782
Công ty TNHH liên doanh Antraco	581.133.360	-
Các nhà cung cấp khác	6.277.386.308	5.618.041.332
Cộng	<u>15.513.837.450</u>	<u>14.273.359.114</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ban Quản lý dự án 4 vay vốn với lãi suất 0% để thi công giải phóng mặt bằng, thời hạn vay dưới 01 năm và có thể điều chỉnh theo thỏa thuận của hai bên.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	685.857.387	100.000.000
Ban lãnh đạo – tạm ứng	685.857.387	100.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	39.861.634.602	36.969.206.058
Tạm ứng	37.473.387.503	34.084.216.712
Trung tâm tư vấn thiết kế và kiểm định xây dựng	-	810.256.265
Phải thu bảo hiểm xã hội người lao động	723.813.596	439.891.868
Ký cược, ký quỹ	26.309.000	26.309.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi thừa	25.900.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.612.224.503	1.608.532.213
Cộng	<u>40.547.491.989</u>	<u>37.069.206.058</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(3.177.621.235)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.527.764.019)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	<u>(4.705.385.254)</u>

(*) Chi tiết dự phòng được trình bày tại Phụ lục 1

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	142.466.796	-	1.609.099.871	-
Công cụ, dụng cụ	9.049.735	-	9.049.735	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>278.696.700.505</u>	-	<u>253.384.212.673</u>	-
Cộng	<u>278.848.217.036</u>	-	<u>255.002.362.279</u>	-

8. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>13.735.898.000</u>	<u>13.735.898.000</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30 (*)	1.935.898.000	1.935.898.000
Công ty TNHH MTV tổng đội TNXP Trường Sơn (**)	<u>11.800.000.000</u>	<u>11.800.000.000</u>
Cộng	<u>13.735.898.000</u>	<u>13.735.898.000</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1332/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30 để thực hiện dự án nhà chung cư B82. Dự án có vị trí tại thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An và đang trong giai đoạn thi công móng. Tổng mức đầu tư của dự án là: 65,376 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào quý I năm 2012. Do ảnh hưởng của thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu tích cực nên dự án tạm thời dừng triển khai từ năm 2011, dự án sẽ tiếp tục được triển khai khi thị trường bất động sản tại Vinh có dấu hiệu phục hồi. Số tiền đã góp vốn hợp tác kinh doanh là 1.935.898.000 đồng.

(**) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 05/HĐHTKD ngày 02 tháng 01 năm 2014 với Công ty TNHH MTV tổng đội TNXP Trường Sơn (gọi tắt Công ty Trường Sơn) để thực hiện các chương trình dự án. Công trình do Công ty Trường Sơn đầu tư, khai thác thực hiện; phạm vi là đầu tư vốn và cùng tham gia thực hiện và phân chia lãi lỗ; thời gian hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Biên bản về việc thỏa thuận hợp tác thi công xây dựng ngày 20/05/2014 Công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan với khối lượng giá trị hợp tác hợp đồng khoảng 100 tỷ đồng. Số tiền đã góp vốn hợp tác kinh doanh là 11.800.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật		Máy móc và thiết		Phương tiện vận tải,		Thiết bị, dụng cụ		Cộng
	kiến trúc	bị	bị	truyền dẫn	quản lý	quản lý	quản lý		
Nguyên giá									
Số đầu năm	5.368.809.942	109.846.587.355		31.726.703.005	765.379.208		147.707.479.510		
Tăng do phân loại lại	-	-	-	1.186.486	-	-	1.186.486		
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(1.858.194.190)		(1.756.980.000)	-	-	(3.615.174.190)		
Giảm do phân loại lại	-	(1.186.486)		-	-	-	(1.186.486)		
Số cuối kỳ	5.368.809.942	107.987.206.679		29.970.909.491	765.379.208		144.092.305.320		
<i>Trong đó:</i>									
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.031.558.380	43.254.440.603		7.226.027.773	586.696.905		52.098.723.661		
Giá trị hao mòn									
Số đầu năm	3.200.608.607	70.270.320.704		26.279.270.385	696.103.488		100.446.303.184		
Tăng do khấu hao trong kỳ	194.225.080	4.047.610.175		1.444.015.088	22.812.080		5.708.662.423		
Tăng do phân loại lại	-	-	-	5.314.589	-	-	5.314.589		
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(1.858.194.190)		(1.756.980.000)	-	-	(3.615.174.190)		
Giảm do phân loại lại	-	(5.314.589)		-	-	-	(5.314.589)		
Số cuối kỳ	3.394.833.687	72.454.422.100		25.971.620.062	718.915.568		102.539.791.417		
Giá trị còn lại									
Số đầu năm	2.168.201.335	39.576.266.651		5.447.432.620	69.275.720		47.261.176.326		
Số cuối kỳ	1.973.976.255	35.532.784.579		3.999.289.429	46.463.640		41.552.513.903		

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 40.930.154.518 VNĐ và 10.770.143.636 VNĐ đang đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính

Tình hình biến động của Tài sản cố định vô hình trong kỳ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Khấu hao lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	85.000.000	(70.243.056)	14.756.944
Khấu hao trong kỳ	-	(10.625.000)	(10.625.000)
Số cuối kỳ	85.000.000	(80.868.056)	4.131.944

11. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	258.497.511
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	21.800.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(123.745.165)
Số cuối kỳ	156.552.346

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 – CTCP	27.402.495.584	27.390.175.584
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	4.937.911.200	5.237.911.200
Công ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng và thương mại Nghệ An	3.504.822.830	3.504.822.830
Công ty Cổ phần CS miền trung	6.628.995.599	9.328.995.599
Công ty Cổ phần 484	4.394.113.900	4.394.113.900
Công ty TNHH Xây lắp thương mại Hoàng Gia	3.892.439.504	3.892.439.504
Các nhà cung cấp khác	76.324.845.719	88.009.648.418
Cộng	127.085.624.336	141.758.107.035

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án 46	35.604.494.173	32.672.419.515
Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố Cà Mau	12.938.610.311	11.092.900.186
Sở Giao thông Đồng Tháp	19.947.206.000	14.249.979.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	4.090.086.325	-
Công ty TNHH MTV Tổng đội TNXP Trường Sơn	9.536.631.402	9.536.631.402
Công ty Cổ phần Hà Duy	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Thăng Mạnh	1.197.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Đầu tư thương mại Phúc Hưng	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Handico Vinh Tân	1.544.525.460	250.000.000
Các khách hàng khác	5.151.561.628	4.001.068.168
Cộng	92.010.115.299	71.802.998.271

CÔNG TY CỔ PHẦN 482Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	13.529.065.726	-	430.570.379	-	13.098.495.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	520.200.314	318.415.701	-	-	838.616.015
Thuế thu nhập cá nhân (*)	14.790.883	-	-	-	14.790.883	-
Thuế tài nguyên	-	72.848.400	-	-	-	72.848.400
Thuế nhà đất	-	168.015.500	-	-	-	168.015.500
Các loại thuế khác	-	272.308.127	-	-	-	272.308.127
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.284.000	179.427.776	3.000.000	-	190.711.776
Cộng	14.790.883	14.576.722.067	497.843.477	433.570.379	14.790.883	14.640.995.165

(*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày tại chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.957.465.986
Trích trước chi phí ăn ca	-	26.298.353
Trích trước chi phí công trình	-	3.757.209.855
Cộng	-	6.740.974.194

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.327.078.390	1.331.082.127
Phải trả khác thành viên HĐQT, BKS, BGĐ	1.327.078.390	1.331.082.127
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	125.165.729.274	91.308.212.426
Kinh phí công đoàn	308.499.716	226.982.889
Bảo hiểm xã hội	8.894.489.393	8.205.446.592
Bảo hiểm y tế	875.789.387	580.354.113
Bảo hiểm thất nghiệp	353.772.790	228.481.490
Trung tâm tư vấn thiết kế và kiểm định xây dựng	1.027.893.766	-
Nhận hỗ trợ vốn tạm thời từ Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP	109.589.479.285	75.846.479.285
Lãi chậm nộp bảo hiểm	2.538.822.449	1.858.038.539
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.576.982.488	4.362.429.518
Cộng	126.492.807.664	92.639.294.553

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	86.213.223.141	86.213.223.141	87.205.199.449	87.205.199.449
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (1)	50.417.188.699	50.417.188.699	54.992.927.116	54.992.927.116
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (2)	16.330.000.000	16.330.000.000	19.345.007.270	19.345.007.270
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Nghệ An (3)	8.554.205.000	8.554.205.000	9.837.473.850	9.837.473.850
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An	-	-	2.609.791.213	2.609.791.213
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (4)	10.911.829.442	10.911.829.442	420.000.000	420.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	4.646.012.582	4.646.012.582	17.067.131.182	17.067.131.182
Ban quản lý dự án 4	2.510.000.000	2.510.000.000	15.510.000.000	15.510.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.136.012.582	2.136.012.582	1.557.131.182	1.557.131.182
Vay dài hạn đến hạn trả	1.561.563.500	1.561.563.500	3.219.202.000	3.219.202.000
Cộng	92.420.799.223	92.420.799.223	107.491.532.631	107.491.532.631

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/791536/HĐTD ký ngày 31 tháng 08 năm 2016. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên là 185 tỷ đồng (trong đó, hạn mức cho vay, L/C, chiết khấu tối đa là 55 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh tối đa là 130 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ở L/C, chiết khấu. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/07/2017. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp đã, đang và sẽ ký giữa bên thứ 3, công ty với Ngân hàng, cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 02/2016/791536/HĐBĐ lập ngày 26 tháng 9 năm 2016 giữa 3 bên: Công ty Cổ phần 482, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An và Ông Trần Văn Long - Bà Nguyễn Thị Lương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS146461, số vào sổ cấp GCN là CH 02449/số 484 - QĐUBND (2014) do UBND thành phố Vinh cấp ngày 17/01/2014. Giá trị tài sản thế chấp là: 2.559.425.000 VNĐ

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/791536/HĐBĐ lập ngày 21 tháng 12 năm 2016. Tài sản thế chấp là các phương tiện vận tải, máy móc. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 32.186.132.231 VNĐ

+ Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 02/2013/HĐ lập ngày 25 tháng 10 năm 2013 giữa ông Nguyễn Khắc Thống - Bà Hoàng Thị Mận và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An, tài sản thế chấp là xe ô tô cộ Toyota Vios biển số 37A-128.17, nguyên giá 650.000.000, giá trị còn lại là 234.125.000

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/791536/HĐBĐ lập ngày 16 tháng 4 năm 2014, tài sản đảm bảo bao gồm: Máy rải bê tông nhựa, nhãn hiệu Vogege, nguyên giá 2.863.636.364 VNĐ, Xe lu tĩnh bánh lốp nhãn hiệu Sakai, nguyên giá 681.818.182 VNĐ, Xe lu rung nhãn hiệu Dynapac, nguyên giá 1.045.454.545

2017
CỔ
PHẦN
KIỂM
TOÁN
S Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/791536/HĐBĐ lập ngày 18 tháng 06 năm 2014, tài sản đảm bảo bao gồm: Máy rải nhựa bánh xích, nhãn hiệu Vogele, nguyên giá 2.000.000.000 VNĐ, Máy xi téc chở nước nhãn hiệu DongFeng, nguyên giá 599.563.636 VNĐ

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017/791536/HĐTD lập ngày 21/4/2017. Số tiền vay là 3.734.960.467 VNĐ, mục đích vay là để thanh toán tiền thi công thăm phục vụ công trình J2: bến Lức - Long Thành. Thời hạn vay trong vòng 9 tháng (tính đến 21/1/2018). Lãi suất vay áp dụng là 9,2%/năm, cố định trong thời gian hiệu lực, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo theo các biện pháp đảm bảo được ký kết giữa các bên

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng tín dụng từng lần. Lãi suất cho vay cố định là 8,4%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay tối đa là 9 tháng kể từ ngày rút vốn vay. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản:

- các phương tiện vận tải chuyên dụng của công ty: 8 xe tải ben, 1 xe bán tải, 4 máy xúc đào, 1 máy lu tính, 1 máy ủi, 1 máy rải thảm, 3 xe lu rung, 1 xe ô tô con

- máy móc thiết bị gồm: 1 bộ dàn khoan cọc nhồi và 1 trạm trộn bê tông

- quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Nguyễn Khánh Thạch và ông Lê Hòa Nguyễn tại khối Trung Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh theo GCN quyền sử dụng đất số AK 800933 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 4/3/2008

- quyền sử dụng đất của ông Phan Sỹ Hùng và bà Bùi Thị Như Ái tại khối 8B, thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh theo GCN quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 695857 ngày 20/6/2011

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 85540.16.810.1890765.TD ký ngày 14 tháng 11 năm 2016. Hạn mức cấp tín dụng là 24 tỷ đồng (gồm cho vay, L/C, bảo lãnh thanh toán); hạn mức bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Thời hạn của hạn mức đến hết ngày 31/8/2017. Lãi suất vay được áp dụng theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng giao đoạn năm 2016 – 2017. Mỗi khoản tín dụng vay không quá 9 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Số dư tại các tài khoản thuộc quyền sở hữu của 482 tại MB bank theo Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi số 81917.16.810.1890765.BĐ ngày 31/10/2016

+ Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota BKS 37A - 011.19 theo GCN đăng ký xe số 037218 do Công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Khắc Thiện ngày 19/5/2014

+ Các máy móc thiết bị nghiền sàng đá, bao gồm: 1 bộ hàm nghiền PDSU 150 tấn/h; 2 bộ hàm nghiền thứ cấp 108 + sắc xi; 1 bộ côn 1200 + sắc xi; 1 máng phụ;

1 máng cấp liệu; 1 cái sàng 1; 1 cái sàng 2; 8 khung băng tải; 1 hệ thống điện

- Hợp đồng vay để bổ sung vốn lưu động/ phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐ-XD.2015 ngày 23/07/2015. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Thế chấp quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Luận và bà Nguyễn Thị Bích Đào theo GCN quyền sử dụng đất số AO886472 số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số H03651/QSĐĐ 2847/2009

+ Xe ô tô con nhãn hiệu Toyota BKS 37A - 011.19 theo GCN đăng ký xe số 037218 do Công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Khắc Thiện ngày 19/5/2014

+ Các máy móc thiết bị nghiền sàng đá, bao gồm: 1 bộ hàm nghiền PDSU 150 tấn/h; 2 bộ hàm nghiền thứ cấp 108 + sắc xi; 1 bộ côn 1200 + sắc xi; 1 máng phụ; 1 máng cấp liệu; 1 cái sàng 1; 1 cái sàng 2; 8 khung băng tải; 1 hệ thống điện

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2712.01/2016/HĐHMTD/PVB-CNNA ký ngày 30 tháng 12 năm 2016. Hạn mức cấp tín dụng là 6.800.000.000; thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, thời hạn tối đa mỗi khoản vay là 10 tháng. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động trong hoạt động thi công xây dựng công trình giao thông. Lãi suất cho vay được quy định trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150%

848

IG 7
EMH
1 TC
TAM

A -

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất theo thửa đất số 13, tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ Khối Trường phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An GCN quyền sử dụng đất số AK 856344, Sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất H07188/174 QĐUBND 2008 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 15/1/2008 cho ông Trần Văn Long và bà Nguyễn Thị Lương

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Lãi vay nhập gốc</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	87.205.199.449	66.837.811.222	-	67.829.787.530	86.213.223.141
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (1)	54.992.927.116	43.075.981.780	-	47.651.720.197	50.417.188.699
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (2)	19.345.007.270	11.270.000.000	-	14.285.007.270	16.330.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Nghệ An (3)	9.837.473.850	2.000.000.000	-	3.283.268.850	8.554.205.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Nghệ An	2.609.791.213	-	-	2.609.791.213	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (4)	420.000.000	10.491.829.442	-	-	10.911.829.442
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	17.067.131.182	9.028.881.400	32.062.500	21.482.062.500	4.646.012.582
Vay dài hạn đến hạn trả	3.219.202.000	-	-	1.657.638.500	1.561.563.500
Cộng	107.491.532.631	75.866.692.622	32.062.500	90.969.488.530	92.420.799.223

18. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.287.572.545	2.287.572.545	2.287.572.545	2.287.572.545
Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (1)	1.049.301.545	1.049.301.545	1.049.301.545	1.049.301.545
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vinh (2)	1.238.271.000	1.238.271.000	1.238.271.000	1.238.271.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	63.000.000	63.000.000	-	-
Cộng	2.350.572.545	2.350.572.545	2.287.572.545	2.287.572.545

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐTD ký năm 2013. Số tiền vay là 4.725.000.000 đồng, mục đích vay là để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo dự án đầu tư thiết bị thi công năm 2013. Thời hạn vay là 60 tháng, với lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất kỳ đầu là 12,5%, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp tham gia đầu tư dự án, thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay hoặc bên thứ 3 theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác.

Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng trung hạn lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, sửa đổi số tiền vay là 1.495.454.544 VNĐ với lịch trả nợ năm 2014 là 945 triệu, các năm 2015, 2016, 2017 là 137,6 triệu và năm 2018 là 137.654.544 VNĐ

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vinh theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 109/NHNT ký ngày 5/2/2013. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua máy theo hợp đồng kinh tế số 3212/THIKY-482 ký giữa Công ty Cổ phần 482 với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thiên Ký. Số tiền vay là 960.750.000 VNĐ. Thời hạn vay là 60 tháng, với lãi suất cho vay theo thông báo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150%. Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp số 503TC9 ngày 22/12/2009, Phụ lục số 01 - 503TC9 ngày 17/10/2011 và phụ lục số 02-503TC9 ký ngày 17/8/2012

+ Máy móc thiết bị chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 228TC11/NHNT ngày 1/9/2011

+ Ô tô chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 760TC10 ngày 29/11/2010

+ Quyền sử dụng đất, nhà ở của thửa đất theo GCN quyền sử dụng đất số Y 111676 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của bên thế chấp là ông Nguyễn Tuấn Huỳnh và bà Đinh Thị Anh Phương quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 74TC12 ngày 29/3/2012

+ Quyền sử dụng đất của thửa đất theo GCN quyền sử dụng đất số BĐ 695857 do UBND huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh cấp ngày 20/06/2011 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông Phan Sỹ Hùng và bà Bùi Thị Như Ái quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 116TC12 ngày 3/5/2012

+ Máy móc thiết bị chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 138TC11/NHNT ngày 29/5/2012

+ Tài sản hình thành từ vốn vay là Máy lu rung Hamm 3410

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 336/13/NHNT ngày 25/4/2013. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua máy theo Hợp đồng mua bán số SPECO - CO482/02AP ngày 23/4/2013 ký giữa Công ty Cổ phần 482 và SPECO Ltd. Số tiền vay là 432.650 USD. Thời hạn vay là 48 tháng với lãi suất quy định tại từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150%. Khoản vay được đảm bảo bằng:

+ Các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp số 503TC9 ngày 22/12/2009, Phụ lục số 01 - 503TC9 ngày 17/10/2011 và phụ lục số 02-503TC9 ký ngày 17/8/2012

+ Máy móc thiết bị chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 228TC11/NHNT ngày 1/9/2011

+ Ô tô chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 760TC10 ngày 29/11/2010

+ Quyền sử dụng đất, nhà ở của thửa đất theo GCN quyền sử dụng đất số Y 111676 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của bên thế chấp là ông Nguyễn Tuấn Huỳnh và bà Đinh Thị Anh Phương quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 74TC12 ngày 29/3/2012

+ Quyền sử dụng đất của thửa đất theo GCN quyền sử dụng đất số BĐ 695857 do UBND huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh cấp ngày 20/06/2011 thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của ông Phan Sỹ Hùng và bà Bùi Thị Như Ái quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 116TC12 ngày 3/5/2012

+ Máy móc thiết bị chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 138TC11/NHNT ngày 29/5/2012

+ Máy lu rung Hamm theo Hợp đồng thế chấp số 32TC13/NHNT ngày 21/2/2013

+ Tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng tín dụng này

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.287.572.545	-	-	2.287.572.545
<i>Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nghệ An (1)</i>	<i>1.049.301.545</i>	-	-	<i>1.049.301.545</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Vinh (2)</i>	<i>1.238.271.000</i>	-	-	<i>1.238.271.000</i>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	63.000.000	-	63.000.000
Cộng	2.287.572.545	63.000.000	-	2.350.572.545

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.561.563.500	3.219.202.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.350.572.545	2.287.572.545
Trên 5 năm	-	-
Cộng	3.912.136.045	5.506.774.545

20. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	30.000.000.000	4.016.189.000	6.483.811.000	621.399.623	41.121.399.623
Tăng vốn từ nguồn thặng dư và quỹ	10.499.460.000	(4.015.649.000)	(6.483.811.000)	-	-
Chi phí đợt phát hành cổ phiếu trong năm	-	(142.530.000)	-	-	(142.530.000)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	9.500.540.000	-	-	-	9.500.540.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	47.047.004	47.047.004
Trích lập các quỹ	-	-	-	(60.706.861)	(60.706.861)
Giảm do bù trừ các khoản phạt theo Nghị quyết	-	-	-	(560.692.762)	(560.692.762)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(141.990.000)	-	47.047.004	49.905.057.004
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	(141.990.000)	-	47.047.004	49.905.057.004
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	54.760.314	54.760.314
Số dư cuối kỳ này	50.000.000.000	(141.990.000)	-	101.807.318	49.959.817.318

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Cổ phiếu***

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VOTR
TRÁC
K
NH
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công các công trình giao thông	38.854.492.381	149.023.965.211
Doanh thu cung cấp vật tư công trình	1.181.818.182	-
Doanh thu cho thuê dịch vụ	355.136.364	-
Cộng	40.391.446.927	149.023.965.211

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thi công công trình	29.854.736.863	135.266.396.743
Giá vốn cung cấp vật tư	1.181.818.182	-
Giá vốn cho thuê dịch vụ	355.136.364	-
Cộng	31.391.691.409	135.266.396.743

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi, tiền cho vay phát sinh trong kỳ

4. Chi phí hoạt động tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.522.358.147	2.574.927.114
Chi phí vật liệu quản lý	135.081.361	220.950.595
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.745.165	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.191.338	78.984.584
Thuế, phí và lệ phí	47.873.895	62.496.415
Dự phòng phải thu khó đòi	1.527.764.019	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	687.378.481	105.337.659
Các chi phí khác	409.225.818	1.481.908.364
Cộng	4.531.618.224	4.524.604.731

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	144.545.455	107.239.374
Tiền phạt thu được	-	12.657.100
Thu nhập từ hoa hồng môi giới	-	17.145.019
Thu nhập khác	5.490.000	5.454.545
Cộng	150.035.455	142.496.038

20
CƠ
H NH
IÊN
ÂN
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp bảo hiểm	680.783.910	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	176.427.776	
Chi phí khác	-	19.054.725
Cộng	857.211.686	19.054.725

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	373.176.015	459.234.950
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	857.211.686	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	857.211.686	-
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	857.211.686	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.230.387.701	459.234.950
Thu nhập tính thuế	1.230.387.701	459.234.950
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	246.077.540	91.846.991
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	72.338.161	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	318.415.701	91.846.991

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.760.314	367.387.959
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	54.760.314	367.387.959
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5.000.000	4.700.564
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11	78

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông trong đợt phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển		1.049.946
Cổ phiếu tăng bình quân trong kỳ		650.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	4.700.564

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.943.226.706	54.574.262.509
Chi phí nhân công	8.728.400.673	17.907.505.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.719.287.423	6.464.259.449
Chi phí dự phòng	1.527.764.019	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.505.766.698	41.071.671.064
Chi phí khác	1.629.533.764	4.168.842.381
Cộng	<u>60.053.979.283</u>	<u>124.186.541.253</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Năm nay</u>
Bù trừ công nợ phải thu và công nợ phải trả	39.418.399
Chuyển công nợ phải thu sang tổng công ty	605.370.450
Bù trừ công nợ phải thu với thuế phải nộp	359.866.714
Lãi vay nhập gốc	32.062.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>
Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	
Tạm ứng trong kỳ	199.600.000
Hoàn trả tiền tạm ứng	188.627.088

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.5; V.17

2. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là thi công công trình giao thông;

Khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh chỉ phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.540.056.859	5.108.624.995	2.540.056.859	5.108.624.995
Phải thu khách hàng	114.142.717.878	116.711.506.933	114.142.717.878	116.711.506.933
Các khoản cho vay	7.008.000.000	7.008.000.000	7.008.000.000	7.008.000.000
Các khoản phải thu khác	54.277.601.989	50.799.316.058	54.277.601.989	50.799.316.058
Cộng	177.968.376.726	179.627.447.986	177.968.376.726	179.627.447.986
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	94.771.371.768	109.779.105.176	94.771.371.768	109.779.105.176
Phải trả cho người bán	127.085.624.336	141.758.107.035	127.085.624.336	141.758.107.035
Các khoản phải trả khác	136.233.260.239	108.630.401.490	136.233.260.239	108.630.401.490
Cộng	358.090.256.343	360.167.613.701	358.090.256.343	360.167.613.701

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

1020
CỔ
ÁCH N
KIẾ
HÂN
V G E

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	92.420.799.223	2.350.572.545	-	94.771.371.768
Phải trả người bán	127.085.624.336	-	-	127.085.624.336
Các khoản phải trả khác	135.518.919.181	714.341.058	-	136.233.260.239
Cộng	355.025.342.740	3.064.913.603	-	358.090.256.343
				-
Số đầu năm				
Vay và nợ	107.491.532.631	2.287.572.545	-	109.779.105.176
Phải trả người bán	141.758.107.035	-	-	141.758.107.035
Các khoản phải trả khác	107.879.556.724	750.844.766	-	108.630.401.490
Cộng	357.129.196.390	3.038.417.311	-	360.167.613.701

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt và số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Văn Phú

Nguyễn Khắc Thiện

Trần Văn Long

2-C
C
Y
I
U
H
I
Á
N
V
I
E
T
P

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Xí nghiệp Thương mại và Xây dựng Công trình Hà Nội - QL7 G4	Quá hạn trên 3 năm	175.522.517	175.522.517	Quá hạn trên 3 năm	175.522.517	175.522.517
Công ty xây dựng 72	Quá hạn trên 3 năm	404.012.121	404.012.121	Quá hạn trên 3 năm	404.012.121	404.012.121
Công ty 789 MT	Quá hạn trên 3 năm	265.228.900	265.228.900	Quá hạn trên 3 năm	265.228.900	265.228.900
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 502	Quá hạn trên 3 năm	327.264.605	327.264.605	Quá hạn trên 3 năm	327.264.605	327.264.605
Công ty cổ phần đường bộ Nghệ An	Quá hạn trên 3 năm	1.117.348.964	1.117.348.964	Quá hạn trên 3 năm	1.117.348.306	1.117.348.306
Công ty Cổ phần bảo hiểm PETROLIMEX	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 512	Quá hạn trên 3 năm	164.004.436	164.004.436	Quá hạn trên 3 năm	164.004.436	164.004.436
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Miền Trung	Quá hạn trên 3 năm	226.440.350	226.440.350	Quá hạn trên 3 năm	226.440.350	226.440.350
Công ty TNHH Hà Dung	Quá hạn trên 3 năm	27.117.000	27.117.000	Quá hạn trên 3 năm	27.117.000	27.117.000
Công ty cổ phần Phúc Vinh	Quá hạn trên 3 năm	24.500.000	24.500.000	Quá hạn trên 3 năm	24.500.000	24.500.000
Xí nghiệp thi công cơ giới - Công ty 789/ BQP	Quá hạn trên 3 năm	388.715.000	388.715.000	Quá hạn trên 3 năm	388.715.000	388.715.000
Ông Nguyễn Cảnh Văn	Quá hạn trên 3 năm	2.000.000	2.000.000	Quá hạn trên 3 năm	2.000.000	2.000.000
Ông Nguyễn Văn Điệp	Quá hạn trên 3 năm	3.788.000	3.788.000	Quá hạn trên 3 năm	3.788.000	3.788.000
Ban quản lý dự án 6	Quá hạn trên 3 năm	638.893.792	638.893.792		-	-
Công ty Trường An	Quá hạn trên 3 năm	35.787.569	35.787.569		-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	Quá hạn trên 3 năm	722.596.000	722.596.000		-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Nhà Hà Nội số 30	Quá hạn trên 3 năm	260.972.000	130.486.000		-	-
Cộng		4.835.871.254	4.705.385.254		3.177.621.235	3.177.621.235

